TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS–ST
Ngày: 17/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

2. Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST–DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 1, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 4, thị trấn TC, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 1, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M và người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị M trình bày:

Về tiền vay: Ngày 21/5/2022 bà N có vay bà M số tiền 40.000.000 đồng; ngày 04/10/2022 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, hai lần vay đều không thỏa thuận lãi suất, cả hai lần vay bà N hẹn 1 tháng sau trả lại. Cả hai khoản vay này bà N đều chưa đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho bà M.

Về tiền hụi:

Bà N tham gia của bà M các dây hụi sau:

Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 20/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 20/02/2021 dương lịch, mãn hụi ngày 20/4/2022), dây hụi 5.000.000 đồng/1 tháng gồm 15 phần, bà N có tham gia chơi hai phần; vô tháng thứ nhất (20/02/2021 DL) bà N bỏ thăm hụi 1.000.000 đồng, hốt hai phần, số tiền hốt được 4.000.000 đồng x 14 kỳ = 56.000.000 đồng, trừ tiền cò 2.500.000 đồng, còn lại 53.500.000 đồng x 2 phần = 107.000.000 đồng. Bà N phải đóng hụi chết (14 kỳ x 5.000.000 đồng) x 2 phần = 140.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N có đóng được 09 kỳ hụi chết là 90.000.000 đồng rồi ngưng không đóng nữa. Hiện nay bà N còn thiếu tiền hụi chết (5 kỳ x 5.000.000 đồng) x 2 phần = 50.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Khui ngày 10/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 5/9/2021 dương lịch, mãn hụi ngày 5/11/2022), dây hụi 5.000.000 đồng/ tháng gồm 15 phần, bà N có tham gia 02 phần; vô tháng thứ nhất (5/9/2021 bà N bỏ thăm hụi 1.000.000 đồng, hốt hai phần, số tiền hốt được 4.000.000 đồng x 14 kỳ = 56.000.000 đồng, trừ tiền cò 2.500.000 đồng, còn lại 53.500.000 đồng x 2 phần = 107.000.000 đồng; bà N phải đóng hụi chết (14 kỳ x 5.000.000 đồng) x 2 phần = 140.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà N có đóng hụi được 2 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng rồi ngưng không đóng nữa. Hiện nay còn thiếu tiền hụi (12 kỳ x 5.000.000 đồng) x 02 phần = 120.000.000 đồng.

Khi vay tiền và hốt hụi bà N có ký tên vào giấy giao tiền hụi và giấy vay tiền. Số tiền bà N còn nợ bà M gồm tiền hụi 170.000.000 đồng và tiền vay 120.000.000 đồng. Bà M khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền hụi 170.000.000 đồng và tiền vay 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 01 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Trịnh Thị N trình bày:

Về tiền vay: Vào năm 2020 bà có vay của bà Trần Thị M số tiền 20.000.000 đồng để buôn bán, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận miệng lãi suất 4.000.000 đồng một tháng. Khi vay có làm giấy tờ, bà có ký tên. Hàng tháng bà có đóng lãi cho bà M nhưng có tháng đóng, tháng không đóng nên bà không xác định được số tiền lãi đã đóng, tuy nhiên những tháng không đóng lãi bà M sẽ cộng thành tiền gốc thành 40.000.000 đồng. Bà tiếp tục ký giấy nợ số tiền 40.000.000 đồng cho bà M, những tháng không đóng lãi bà M lại tiếp tục cộng vào tiền gốc và bà lại ký giấy nợ số tiền 80.000.000 đồng. Khi ký giấy nợ 80.000.000 đồng bà có yêu cầu bà M hủy bỏ giấy nợ 20.000.000 đồng và 40.000.000 đồng. Bà xác định

chữ ký và chữ viết Trịnh Thị N tại giấy vay tiền ngày 04/10/2022 và 21/5/2022 là chữ ký và chữ viết của bà. Việc bà đóng lãi cho bà M bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị M số tiền vay 40.000.000 đồng.

Về tiền hụi:

Thực tế bà không tham gia chơi hụi của bà Trần Thị M. Số nợ hụi thực chất là tiền vay 20.000.000 đồng, sau nhiều lần bà không thể đóng lãi nên bà M đã cộng lãi thành tiền gốc. Khi bà nợ bà M số tiền 90.000.000 đồng thì bà M đề nghị bà chuyển thành 02 phần hụi 5.000.000 đồng, hụi gồm 15 phần và mỗi tháng bà đóng cho bà M10.000.000 đồng tiền hụi chết.

Những tháng không có tiền đóng hụi chết cho bà M bà lại tiếp tục vay tiền bà M, bà không xác định được số tiền đã vay của bà M nhưng sau đó bà M lại tiếp tục chuyển số tiền đã vay để đóng hụi thành 02 phần hụi 5.000.000 đồng, hụi gồm 15 phần và bà tiếp tục đóng hụi chết cho bà M mỗi tháng 10.000.000 đồng. Bà xác định có ký vào hai giấy giao tiền hụi của bà M.

Lý do bà đồng ý chuyển số tiền vay thành tiền hụi vì bà sợ bà M chửi. Bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc bà M đã chuyển tiền vay thành tiền hụi như đã trình bày. Các lần đóng hụi bà có sổ theo dõi do bà M ghi cho bà để theo dõi, số tiền hụi bà đã đóng là 240.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý trả cho bà M số tiền hụi 170.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu bà Trịnh Thị N trả số tiền vay 120.000.000 đồng và tiền hụi 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định hai khoản vay 40.000.000 đồng và 80.000.000 đồng khi vay không thỏa thuận tiền lãi, có thỏa thuận khi bà N bán đất sẽ trả nợ.

- Bị đơn bà Trịnh Thị N thừa nhận có chơi hụi của bà M, bà thống nhất với hai dây hụi của bà M khởi kiện và đã đóng 04 phần hụi với số tiền là 90.000.000 đồng và 20.000.000 đồng. Bà có hốt hai dây hụi ở kỳ đầu tiên, có ký tên vào hai giấy giao tiền hụi nhưng số tiền hốt hụi được bà My đã dùng để khấu trừ qua tiền vay bà N còn nợ, vì tin tưởng bà M nên bà đã không lấy lại các giấy nợ vay. Nay bà đồng ý trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ hụi 170.000.000 đồng, bà không đồng ý trả tiền nợ vay 120.000.000 đồng do đã thanh toán xong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc bà Trịnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Trần Thị M không yêu cầu tính tiền lãi.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị M khởi kiện bà Trịnh Thị N, cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và tiền hụi 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tiền vay: Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị N trả số tiền vay 120.000.000 đồng và cung cấp hai bản gốc giấy vay tiền ngày 21/5/2022 số tiền vay 40.000.000 đồng; giấy vay tiền ngày 4/10/2022 số tiền vay 80.000.000 đồng. Trong hai giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay và thỏa thuận về lãi nên Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa bà M và bà N là hợp đồng vay tài sản không có lãi và không có thời hạn. Bà M trình bày đã nhiều lần đòi tiền, trước khi khởi kiện đã gửi đơn cho bà N nhưng bà N không trả, trong quá trình giải quyết vụ án bà N cũng không đồng ý trả nợ.

Bà N thừa nhận chữ ký và chữ viết Trịnh Thị N trong hai giấy vay tiền nêu trên là của bà. Tuy nhiên khi tham gia chơi hai dây hụi của bà M, bà đã hốt hụi và đã dùng số tiền hốt hụi để trả nợ, hiện nay bà không còn nợ tiền của bà M nên không đồng ý trả cho bà M số tiền vay 120.000.000 đồng.

Ngoài lời trình bày ra bà N không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc đã đóng lãi hàng tháng cho bà M cũng như việc bà M cộng số tiền lãi vào và yêu cầu bà ký các giấy nợ nêu trên. Bà cho rằng đã hốt hụi để trả nợ nhưng không lấy lại các giấy nợ gốc là không có căn cứ. Tại biên bản lấy lời khai

ngày 06/01/2023 bà N thừa nhận quá trình vay tiền, ký các giấy nợ bà M không đe dọa hay ép buộc bà. Bà Trịnh Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ "Giấy vay tiền" ghi ngày 21/5/2022 và giấy vay tiền ngày 04/10/2022 do bà M cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà Trịnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

[3] Về tiền hụi:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà M cung cấp sổ hụi và danh sách hụi viên nhưng bà M trình bày do hụi đã mãn nên bà không còn sổ hụi và danh sách hụi viên; bà cũng không xác định được những hụi viên đã tham gia chung dây hụi với bà N. Bà M cung cấp cho Tòa án hai giấy giao tiền hụi ngày 20/1/2021 và giấy giao tiền hụi ngày 10/8/2021 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Nội dung giấy giao tiền hụi ngày 20/01/2021 thể hiện bà N có hốt 02 đầu hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 20/01/2021, hụi gồm 15 phần, số tiền hốt được là 112.000.000 đồng, trừ cò 5.000.000 đồng, số tiền hụi chết còn phải đóng là 140.000.000 đồng. Nội dung giấy giao tiền hụi ngày 10/8/2021 thể hiện bà N có hốt 02 đầu hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/8/2021, hụi gồm 15 phần, số tiền hốt được 112.000.000 đồng, trừ có 5.000.000 đồng, số tiền hụi chết còn phải đóng là 140.000.000 đồng. Bà N thừa nhận có ký tên vào hai giấy giao tiền hụi nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị N trình bày bà không tham gia chơi hụi của bà M, thực chất số tiền nợ hụi là tiền số tiền vay 40.000.000 đồng; 80.000.000 đồng chuyển thành tiền hụi; khi chuyển tiền vay thành tiền hụi vì tin tưởng bà M nên bà đã không lấy lại các giấy nợ cũ và cũng không làm giấy tờ thỏa thuận về giao dịch này. Hàng tháng bà N có đóng tiền hụi cho bà M, số tiền hụi đã đóng là 240.000.000 đồng, khi đóng hụi có sổ theo dõi do bà M viết cho bà.

Căn cứ sổ theo dõi đóng hụi do bà N cung cấp có nội dung tại trang 01 (bút lục số 49) sổ theo dõi thể hiện dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20/01/2022 bà N đã đóng được 09 kỳ hụi chết; tại trang 02 (bút lục 48) thể hiện dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30/2/2022 bà N đã đóng được 02 kỳ hụi chết. Ngày khui hụi tại sổ theo dõi đóng hụi do bà N cung cấp và giấy giao tiền hụi do bà M cung cấp có sự mẫu thuẫn khác nhau, bà M xác định chữ viết tại sổ theo dõi đóng hụi của bà N là do bà viết nhưng vì không rành chữ nên đã viết nhầm ngày tháng vào sổ cho bà N. Tổng số tiền hụi bà M yêu cầu là 170.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị N thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi như bà M khởi kiện, có hốt hụi nhưng số tiền hốt được chỉ bằng số tiền bà đã vay, bà đã đóng được số tiền hụi chết của hai dây hụi là 90.000.000 đồng và 20.000.000 đồng, nay bà Năm g ý trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ hụi 170.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 290.000.000 đồng x 5% = 14.500.000 đồng án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; Điều 466, Điều 469, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với bà Trịnh Thị N về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà Trịnh Thị N trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ hụi 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng và số tiền nợ vay 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Trần Thị M không yêu cầu tính tiền lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị M cho đến khi thi hành án xong, bà Trịnh Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị N phải chịu 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007846 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị N, bà Trần Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (hà).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Hồng Hà